

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
LÂM NGHIỆP NINH SƠN

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ KIỂM TOÁN**

Năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2025



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 - 17

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình bày bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

1. Ban Giám đốc

Thành viên Ban Giám đốc của Công ty trong năm 2025 và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Văn Tâm	Giám đốc	03 tháng 08 năm 2021	
Ông Nguyễn Văn Trí	Phó Giám đốc	05 tháng 08 năm 2021	
Ông Lê Tấn Văn	Phó Giám đốc	05 tháng 08 năm 2021	

2. Trụ sở hoạt động

Trụ sở chính đặt tại Km 28, QL 27A, Xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

3. Các hoạt động chính

- Khai thác, tận thu và kinh doanh các loại lâm đặc sản;
- Trồng rừng và sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại cây giống;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh du lịch sinh thái;
- Thiết kế, thẩm định các công trình lâm sinh, khai thác gỗ, lâm sản và các công trình khác như: Cây xanh đô thị, công viên, hoa viên;
- Thi công khai hoang và san ủi mặt bằng;
- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiện có;
- Thực hiện các dự án của Nhà nước đầu tư trên địa bàn nhằm phát triển kinh tế xã hội miền núi như dự án 661/TTg, dự án đầu tư và phát triển cây ăn quả,...

4. Đánh giá tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các dòng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 05 đến trang 17.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày lập bảng cân đối kế toán cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty.

6. Đơn vị kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty.

7. Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này có được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm của niên độ kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2026

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



PHAN VĂN TÂM



Số: 2525/2026/BCKT/SVCN5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **CHỦ SỞ HỮU VÀ BAN GIÁM ĐỐC**
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn (dưới đây gọi tắt là Công ty) được lập ngày 29 tháng 03 năm 2026 từ trang 05 đến trang 17, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của của Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 03 năm 2026

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN SAO VIỆT

Giám đốc



LÊ NHẬT LINH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 3234-2026-107-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ LAN ANH
Giấy CN ĐKHN kiểm toán
Số: 4291-2023-107-1

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		15.621.659.543	5.858.445.880	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	13.111.568.589	2.548.897.676	
1. Tiền	111		13.101.568.589	2.538.897.676	
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000	10.000.000	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.407.898.427	3.175.401.354	
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	2.060.785.263	611.466.357	
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	75.000.000	800.000.000	
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	272.113.164	1.763.934.997	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-	
IV. Hàng tồn kho	140		72.540.000	72.540.000	
1. Hàng tồn kho	141	V.05	72.540.000	72.540.000	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29.652.527	61.606.850	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-	
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.06	29.652.527	61.606.850	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		197.802.188	159.031.813	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
II. Tài sản cố định	220		117.443.844	33.456.811	
Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	117.443.844	33.456.811	
Nguyên giá	222		2.816.795.108	2.706.923.729	
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.699.351.264)	(2.673.466.918)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		80.358.344	125.575.002	
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	80.358.344	125.575.002	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		15.819.461.731	6.017.477.693	

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		4.256.724.252	543.576.432
I. Nợ ngắn hạn	310		4.204.814.252	491.666.432
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		-	103.300.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	125.972.510	12.992.622
3. Phải trả người lao động	314	V.10	189.686.183	23.507.254
4. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	3.820.382.141	351.866.556
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.12	1.859.837	-
II. Nợ dài hạn	330		51.910.000	51.910.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13	51.910.000	51.910.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		11.562.737.479	5.473.901.261
I. Vốn chủ sở hữu	410		8.855.567.118	3.448.265.920
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.14	8.729.787.653	1.922.187.653
2. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.14	-	1.466.371.517
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.14	125.779.465	42.482.008
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	25.528.159
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		125.779.465	16.953.849
4. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	V.14	-	17.224.742
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.707.170.361	2.025.635.341
1. Nguồn kinh phí	431	V.15	2.707.170.361	2.025.635.341
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		15.819.461.731	6.017.477.693

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Việt Long



Phan Văn Tâm

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	10.234.585.489	1.181.192.638
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.01	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	10.234.585.489	1.181.192.638
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	186.150.000	49.875.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.048.435.489	1.131.317.638
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	14.334.037	6.958.425
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.04	9.922.695.577	1.090.295.391
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		140.073.949	47.980.672
11. Thu nhập khác	31	VI.05	32.431.493	4.800.000
12. Chi phí khác	32	VI.06	20.230.831	29.546.465
13. Lợi nhuận khác	40		12.200.662	(24.746.465)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		152.274.611	23.234.207
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.07	26.495.146	6.280.358
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		125.779.465	16.953.849

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Việt Long

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2026

Giám đốc

Phan Văn Tâm

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2025

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ HĐ kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		152.274.611	23.234.207
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	04	V.07	25.884.346	16.728.396
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.334.037)	(207.125)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		163.824.920	39.755.478
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		799.457.250	(1.671.861.634)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		3.671.751.024	431.108.073
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		45.216.658	43.174.005
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(6.280.358)	(7.068.730)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		3.342.255.600	6.953.972.900
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.682.020.580)	(8.774.290.871)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20		5.334.204.514	(2.985.210.779)
II. Lưu chuyển tiền từ HĐ đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(109.871.379)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		14.334.037	207.125
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐĐT	30		(95.537.342)	207.125
III. Lưu chuyển tiền từ HĐ tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		5.324.003.741	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐTC	40		5.324.003.741	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		10.562.670.913	(2.985.003.654)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.01	2.548.897.676	5.533.901.330
Ảnh hưởng của thay đổi TGHE quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	13.111.568.589	2.548.897.676

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu/ Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Việt Long

Giám đốc



Phan Văn Tâm

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Lâm nghiệp Ninh Sơn (dưới đây gọi tắt là Công ty), tiền thân là Lâm trường Ninh Sơn hoạt động công ích được thành lập theo Quyết định số 601/UB-NT ngày 09 tháng 12 năm 1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận. Sau đó được chuyển đổi thành Công ty Lâm nghiệp Ninh Sơn theo Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận, là Doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 926/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 4500143229 ngày 28 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp: 1.922.187.653 VND

Trụ sở chính đặt tại Km 28, QL 27A, Xã Ninh Sơn, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Khai thác, tận thu và kinh doanh các loại lâm đặc sản;
- Trồng rừng và sản xuất kinh doanh nông lâm kết hợp;
- Sản xuất và kinh doanh các loại cây giống;
- Khai thác và chế biến lâm sản;
- Kinh doanh du lịch sinh thái;
- Thiết kế, thẩm định các công trình lâm sinh, khai thác gỗ, lâm sản và các công trình khác như: cây xanh đô thị, công viên, hoa viên;
- Thi công khai hoang và san ủi mặt bằng;
- Quản lý, bảo vệ và phát triển rừng hiện có;
- Thực hiện các dự án của Nhà nước đầu tư trên địa bàn nhằm phát triển kinh tế xã hội miền núi như dự án 661/TTg, dự án đầu tư và phát triển cây ăn quả,...

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc, được soạn lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn (không quá 3 tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nợ phải thu là các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán hoặc phải thu các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính, và được phân loại:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là Tài sản dài hạn.

5. Các chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Nguyên tắc ghi nhận giá trị tài sản cố định hữu hình

Giá trị của tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình: Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 11

7. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Các loại chi phí trả trước nếu chi liên quan đến năm tài chính hiện hành thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ kế toán.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

8. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ ngắn hạn;
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là nợ dài hạn.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

10. Vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty gồm vốn điều lệ mà các thành viên đã đầu tư và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành trên thu nhập chịu thuế. Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là 17% trên thu nhập chịu thuế theo Điều 11 Nghị định 320/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2025 (năm 2024 thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm số thuế phải trả hiện tại và số thuế thu nhập hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất trong kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh do điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế hay các chi phí không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các luật thuế có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các báo cáo thuế của Công ty chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định thuế đối với các nghiệp vụ khác nhau có thể được hiểu theo nhiều cách khác nhau, do vậy, các số liệu thuế thể hiện trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

13. Các bên liên quan

Các bên có liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con - các cá nhân, trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.032.602.274	98.116.910
Tiền gửi ngân hàng	12.068.966.315	2.440.780.766
Các khoản tương đương tiền (*)	10.000.000	10.000.000
Cộng	13.111.568.589	2.548.897.676

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH XD & KT Chế biến Lâm sản Sông Trà	23.793.581	23.793.581
Quỹ bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Khánh Hòa	700.532.682	587.672.776
Sở Nông nghiệp và Môi trường Tỉnh Khánh Hòa	1.336.459.000	-
Cộng	<u>2.060.785.263</u>	<u>611.466.357</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Tư vấn Quy hoạch và Lâm nghiệp Việt Nam	75.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư XD và DV TM Hưng Lộc Phát	-	800.000.000
Cộng	<u>75.000.000</u>	<u>800.000.000</u>

4. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tạm ứng	145.778.409	510.864.654
Các hộ dân vay vốn trồng mía (*)	53.566.749	53.566.749
Ban chấp hành Công đoàn Công ty	20.594.000	20.594.000
Quỹ phúc lợi chia vượt	17.046.531	36.368.702
Cộng đồng GKBVR khu vực Hà Dài	-	120.200.000
Cộng đồng thôn Do	-	120.200.000
Cộng đồng thôn Gia Rót	-	124.050.000
Cộng đồng Tà Nôi 1	-	240.525.000
Cộng đồng Tà Nôi 3	-	199.600.000
Cộng Đồng dân cư thôn Tà Nôi số 2	-	194.375.000
Cộng đồng thôn Ú	-	118.050.000
Các đối tượng khác	35.127.475	25.540.892
Cộng	<u>272.113.164</u>	<u>1.763.934.997</u>

(*) Khoản phải thu “Các hộ dân vay vốn trồng mía” do Công ty vay của Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận để tài trợ cho nông dân vay lại.

5. Hàng tồn kho

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của sản phẩm cây giống.

6. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT phải nộp	29.540.813	48.610.813
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	12.996.037
Thuế tài nguyên	111.714	-
Cộng	<u>29.652.527</u>	<u>61.606.850</u>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá				
Số đầu năm	2.473.969.229	232.954.500	-	2.706.923.729
Tăng trong năm	-	-	109.871.379	109.871.379
Xây dựng cơ bản	-	-	109.871.379	109.871.379
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	<u>2.473.969.229</u>	<u>232.954.500</u>	<u>109.871.379</u>	<u>2.816.795.108</u>

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính đính kèm

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	2.390.327.229	232.954.500	-	2.623.281.729
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.440.512.418	232.954.500	-	2.673.466.918
Tăng trong năm	16.728.396	-	9.155.950	25.884.346
Khấu hao trong năm	16.728.396	-	9.155.950	25.884.346
Hao mòn tài sản ngân sách	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số cuối năm	2.457.240.814	232.954.500	9.155.950	2.699.351.264
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	33.456.811	-	-	33.456.811
Số cuối năm	16.728.415	-	100.715.429	117.443.844

8. Chi phí trả trước dài hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Quyền sử dụng đất xã Ma Nới và Sông Than (lâu dài)	38.000.000	-	-	38.000.000
Chi phí sửa chữa	79.000.000	-	(39.499.992)	39.500.008
Công cụ dụng cụ	8.575.002	-	(5.716.666)	2.858.336
Cộng	125.575.002	-	(45.216.658)	80.358.344

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng (*)	(48.610.813)	19.070.000	-	(29.540.813)
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	(12.996.037)	26.495.146	(6.280.358)	7.218.751
Thuế thu nhập cá nhân	12.879.336	138.618.059	(32.743.636)	118.753.759
Thuế tài nguyên (*)	113.286	22.150.000	(22.375.000)	(111.714)
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	12.040.287	(12.040.287)	-
Các loại thuế khác	-	2.000.000	(2.000.000)	-
Cộng	(48.614.228)	220.373.492	(75.439.281)	96.319.983

(*) Khoản thuế nộp thừa được trình bày trên khoản mục “Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước” (Mã số 153).

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế.

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh số IV.12.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp trong năm (Xem thuyết minh VI.07).

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

10. Phải trả người lao động

Khoản tiền lương năm 2025 còn phải trả người lao động.

11. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	118.600
Nhận ký quỹ, ký cược	43.949.160	306.949.160
Sở Tài chính Tỉnh Khánh Hòa	3.731.599.429	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	44.833.552	44.798.796
Cộng	<u>3.820.382.141</u>	<u>351.866.556</u>

Công ty có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ nêu trên.

12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Trích quỹ trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng (*)	(12.181.167)	21.241.004	(7.200.000)	1.859.837
Quỹ phúc lợi (*)	(24.187.535)	21.241.004	(14.100.000)	(17.046.531)
Cộng	<u>(36.368.702)</u>	<u>42.482.008</u>	<u>(21.300.000)</u>	<u>(15.186.694)</u>

(*) Khoản quỹ chi thừa được trình bày trên khoản mục “Phải thu ngắn hạn khác” (Thuyết minh V.03).

13. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay của Kho bạc Nhà nước tỉnh Ninh Thuận để hỗ trợ cho các hộ nông dân đầu tư với lãi suất 0%.

Công ty có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ nêu trên.

14. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Nguồn vốn đầu tư XDCB</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm	1.922.187.653	1.466.371.517	42.482.008	17.224.742	3.448.265.920
Tăng trong năm	6.807.600.000	-	-	-	6.807.600.000
Giảm trong năm	-	(1.466.371.517)	-	(17.224.742)	(1.483.596.259)
Lãi trong năm	-	-	125.779.465	-	125.779.465
Trích quỹ trong năm	-	-	(42.482.008)	-	(42.482.008)
Số dư cuối năm	<u>8.729.787.653</u>	<u>-</u>	<u>125.779.465</u>	<u>-</u>	<u>8.855.567.118</u>

Ngày 04 tháng 09 năm 2025, theo Quyết định số 1063/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc bổ sung vốn điều lệ của Công ty từ 1.922.187.653 VND lên 8.729.787.653 VND. Trong năm, Công ty đã ghi nhận tăng đủ vốn điều lệ theo Quyết định của Ủy ban nhân dân Tỉnh Khánh Hòa đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty chưa thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký doanh nghiệp về việc tăng vốn nêu trên.

15. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	2.025.635.341
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.342.255.600
Chi sự nghiệp trong năm	(2.660.720.580)
Số cuối năm	<u>2.707.170.361</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	289.000.000	168.851.950
Doanh thu khác	9.945.585.489	1.012.340.688
Tổng doanh thu	10.234.585.489	1.181.192.638
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	10.234.585.489	1.181.192.638
2. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp trong năm. Chi tiết như sau:		
	Năm nay	Năm trước
Chi nhân công trực tiếp	-	-
Chi phí sản xuất chung	186.150.000	49.875.000
Tổng chi phí sản xuất	186.150.000	49.875.000
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Tổng giá thành sản xuất	186.150.000	49.875.000
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	-	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	186.150.000	49.875.000
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	14.334.037	6.958.425
Doanh thu tài chính khác	-	-
Cộng	14.334.037	6.958.425
4. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	8.164.829.383	363.562.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.884.346	16.728.396
Thuế, phí và lệ phí	14.235.983	3.486.419
Chi phí dịch vụ mua ngoài	241.830.900	33.433.856
Các chi phí khác	1.475.914.965	673.084.266
Cộng	9.922.695.577	1.090.295.391
5. Thu nhập khác		
	Năm nay	Năm trước
Thu từ hợp tác trồng rừng	15.400.000	-
Các khoản thu khác	17.031.493	4.800.000
Cộng	32.431.493	4.800.000
6. Chi phí khác		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phạt hành chính về thuế, bảo hiểm	3.579.191	8.167.585
Chi phí khác	16.651.640	21.378.880
Cộng	20.230.831	29.546.465

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN LÂM NGHIỆP NINH SƠN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(Thể hiện bằng Việt Nam Đồng, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	152.274.611	23.234.207
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	3.579.191	8.167.585
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.579.191	8.167.585
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	155.853.802	31.401.792
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	17%	20%
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	26.495.146	6.280.358

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân công	8.164.829.383	363.562.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.884.346	16.728.396
Chi phí dịch vụ mua ngoài	427.980.900	83.308.856
Các chi phí khác	1.490.150.948	676.570.685
Cộng	10.108.845.577	1.140.170.391

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và phụ cấp	1.465.999.600	510.624.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã kiểm toán.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện đáng chú ý nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập báo cáo này có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên các báo cáo tài chính của Công ty.

Người lập biểu/ Kế toán trưởng

Nguyễn Khoa Việt Long

Khánh Hòa, ngày 29 tháng 03 năm 2026

Giám đốc

Phan Văn Tâm